

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ (Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-TGCP ngày tháng ... năm 2024 của Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn hợp pháp khác do Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì hoặc phối hợp thực hiện.
- Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.
- Xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ là việc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, năng lực, điều kiện, kinh nghiệm và chuyên môn để xem xét, giao tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện phù hợp nhất để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.
- Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ là việc chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ là tổ chức khoa học và công nghệ hoặc tổ chức được Ban Tôn giáo Chính phủ giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 3. Phân loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ và tương đương cấp Bộ bao gồm:
 - Các nhiệm vụ chính trị do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao thực hiện dưới dạng đề tài, đề án, dự án. Các nhiệm vụ này do Lãnh đạo Bộ Nội vụ phê duyệt,

giao Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì thực hiện và quản lý theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ do Bộ Nội vụ quản lý, thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Nội vụ.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Ban gồm có: đề tài, dự án, hội thảo khoa học và các nhiệm vụ khoa học khác do Lãnh đạo Ban Tôn giáo Chính phủ phê duyệt, thực hiện và quản lý theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Bảo đảm quản lý thống nhất việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ phải bám sát, phục vụ kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Ban Tôn giáo Chính phủ và ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Tôn trọng và bảo đảm quyền chủ động, phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu khoa học.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản, giữa nghiên cứu tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận.

5. Tạo điều kiện cho công chức, viên chức tham gia vào các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu khoa học.

6. Việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến bí mật nhà nước phải tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Việc xác định độ mật của nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo căn cứ vào quy định tại Danh mục bí mật nhà nước lĩnh vực Nội vụ.

Điều 5. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nguồn tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước đầu tư trực tiếp cho hoạt động khoa học và công nghệ được bố trí trong kế hoạch ngân sách hằng năm hoặc trong dự án kinh tế - xã hội của Bộ Nội vụ giao cho Ban Tôn giáo Chính phủ hoặc các nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hợp pháp khác;

b) Nguồn ngân sách thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ do nhà nước cấp trong nguồn kinh phí thường xuyên không tự chủ của Ban và các nguồn tài chính hợp pháp khác nếu có;

c) Các nguồn tài chính khác: kinh phí tự có của tổ chức, cá nhân; tài trợ trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; kinh phí dành cho hoạt động khoa học và công nghệ thuộc các dự án kinh tế, xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Việc sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học và công nghệ phải tuân thủ đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, phù hợp với mục tiêu của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ được giao.

Điều 6. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Có giá trị khoa học, xác định rõ ràng mục tiêu và nội dung.

2. Có ý nghĩa thực tiễn trong giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu của công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu công tác của Ban Tôn giáo Chính phủ.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tên gọi, nội dung nghiên cứu không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã triển khai; các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ đã được bảo vệ (trừ các nhiệm vụ đã nghiên cứu nhưng có phát sinh các yếu tố mới, tính thời sự; các nhiệm vụ tổng kết thực tiễn việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật theo các giai đoạn 5 năm, 10 năm,...).

4. Có Báo cáo kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sau khi kết thúc nhiệm vụ (PLS - BCKN).

Điều 7. Tiêu chuẩn đối với tổ chức, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn:

a) Có trình độ đại học trở lên;

b) Đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ với nhiệm vụ ít nhất trong 03 năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Có khả năng tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

đ) Thời điểm quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm nhiệm vụ đến thời điểm nghỉ hưu phải đủ thời gian thực hiện nhiệm vụ theo thuyết minh đã được phê duyệt.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký xét chọn, tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

- Đến thời điểm hết hạn đăng ký nhiệm vụ mới vẫn đang chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà nhiệm vụ đó đã quá thời hạn nghiệm thu chính thức 06 tháng (kể từ ngày có Quyết định phê duyệt);

- Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn chưa nộp lưu sản phẩm khoa học đã nghiệm thu trước đó;

- Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia đề xuất, đăng

ký tuyển chọn trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ

Điều 8. Chức năng của Hội đồng khoa học Ban Tôn giáo Chính phủ

Hội đồng khoa học Ban Tôn giáo Chính phủ (gọi tắt là Hội đồng) do Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ quyết định thành lập, là tổ chức tư vấn cho Trưởng ban về hoạt động khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ quyết định kiện toàn Hội đồng khoa học trong trường hợp cần thay đổi, bổ sung thành viên.

Thành viên Hội đồng khoa học có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng khoa học; thực hiện các nhiệm vụ tư vấn khoa học được Hội đồng khoa học giao với trách nhiệm khách quan; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thường trực của Hội đồng khoa học để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ của Hội đồng khoa học

Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn cho Trưởng ban về các vấn đề sau đây:

1. Xây dựng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ dài hạn và kế hoạch trọng tâm hàng năm của Ban Tôn giáo Chính phủ.
2. Góp ý và đề xuất ý kiến về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ định hướng nghiên cứu hằng năm của Ban Tôn giáo Chính phủ.
3. Tổ chức hội thảo, hội nghị những vấn đề khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo do cấp có thẩm quyền giao cho Ban Tôn giáo Chính phủ và tư vấn cho Trưởng ban kết luận những vấn đề đó.
4. Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng nghiệp vụ trong nghiên cứu khoa học, các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ.
5. Tư vấn tuyển chọn, xét duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm trình Trưởng ban phê duyệt. Đề xuất thành lập các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, tổ thẩm định kinh phí, Hội đồng nghiệm thu kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền của Ban Tôn giáo Chính phủ. Tham gia các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, tổ thẩm định kinh phí, hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ có liên quan.
6. Tư vấn, tham mưu cho Trưởng ban chỉ đạo ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo của Ban Tôn giáo Chính phủ.

7. Tư vấn về phương hướng, mục tiêu, chương trình và nội dung tập huấn về chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ công tác tín ngưỡng, tôn giáo đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo.

8. Đề nghị Hội đồng thi đua khen thưởng của Ban khen thưởng các công trình khoa học xuất sắc, những sáng chế, phát minh có giá trị thuộc phạm vi của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Điều 10. Quyền hạn của Hội đồng khoa học

1. Được Lãnh đạo Ban, các đơn vị thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ cung cấp thông tin cần thiết, đầy đủ, kịp thời về các hoạt động nghiệp vụ phục vụ cho công tác khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Kiến nghị với Trưởng ban về việc đưa ra Hội đồng thảo luận, đóng góp ý kiến những vấn đề khoa học và công nghệ theo chức năng tư vấn của Hội đồng nêu trong Điều 9.

3. Tham gia các đoàn khảo sát do Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức có liên quan đến công tác nghiên cứu khoa học và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng.

4. Được sử dụng con dấu của Ban Tôn giáo Chính phủ trong các văn bản hành chính liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thành phần của Hội đồng khoa học

1. Trưởng ban quyết định số lượng cụ thể và tỷ lệ cơ cấu giữa các đơn vị tham gia Hội đồng.

2. Hội đồng bao gồm các chức danh sau:

- Chủ tịch Hội đồng;
- Phó Chủ tịch Thường trực;
- Phó Chủ tịch;
- Các Ủy viên Hội đồng;
- Thư ký Hội đồng.

3. Viện Nghiên cứu Chính sách tôn giáo là đơn vị Thường trực Hội đồng khoa học.

Chương III

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỀ XUẤT XÁC ĐỊNH DANH MỤC, XÉT DUYỆT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ

Điều 12. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ

Căn cứ vào phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nội vụ, nhu cầu thực tiễn từ hoạt động quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn

giáo của Ban Tôn giáo Chính phủ và ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo Thường trực Hội đồng khoa học phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng trình Trưởng ban ký ban hành kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ dài hạn, trung hạn và hàng năm của Ban.

Điều 13. Quy trình đăng ký, đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Vào tháng 01 hàng năm, các đơn vị thuộc Ban đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho năm kế tiếp gửi về Thường trực Hội đồng khoa học. Nhiệm vụ đề xuất phải phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của ngành, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước của Ban, phù hợp với điều kiện phân bổ ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Trường hợp đề xuất từ 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ trở lên phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tính cấp thiết và tính khả thi, năng lực và điều kiện để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo *PL1 - PĐXNVKHCN*).

2. Thường trực Hội đồng khoa học có trách nhiệm tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các đơn vị thuộc Ban. Trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất Trưởng ban và Hội đồng khoa học tổ chức hội nghị xét chọn và thống nhất Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện năm sau.

3. Trên cơ sở Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Hội đồng khoa học thông qua, Thường trực Hội đồng khoa học tham mưu Trưởng ban ban hành Quyết định phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào Dự toán ngân sách nhà nước (năm tiếp theo) của Ban Tôn giáo Chính phủ trình Bộ Nội vụ trước ngày 30/6 hàng năm.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể được điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết và phải được sự đồng ý của Trưởng ban.

4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ tại điểm b, khoản 1, Điều 3, thực hiện theo trình tự sau:

- Vào tháng 01 hàng năm, Bộ Nội vụ có thông báo đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của năm kế tiếp, Thường trực Hội đồng khoa học là đầu mối thông báo để các tổ chức, cá nhân trong Ban đề xuất nhiệm vụ đúng thời hạn.

- Phiếu đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của tổ chức (đối với dự án điều tra khảo sát) và cá nhân (đối với đề tài nghiên cứu khoa học) thuộc Ban phải được lãnh đạo đơn vị xác nhận và gửi về Thường trực Hội đồng khoa học để tổng hợp, xin ý kiến Lãnh đạo Ban trước khi gửi Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ.

- Quy trình xét chọn, tuyển chọn, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ được thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Nội vụ.

Điều 14. Hội đồng xét duyệt thuyết minh

1. Sau khi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được đưa vào danh mục nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm do Bộ Nội vụ phê duyệt, hoặc các nhiệm vụ đột xuất có văn bản do cấp có thẩm quyền giao, tổ chức, cá nhân đăng ký phải xây dựng và bảo vệ thuyết minh trước Hội đồng xét duyệt thuyết minh (theo *PL2 - TMDTĐA* và *PL3 - TMDADTKS*)

2. Thường trực Hội đồng khoa học có trách nhiệm tham mưu cho Hội đồng khoa học và Trưởng ban thành lập Hội đồng xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên gồm các nhà quản lý, các nhà khoa học, đại diện cơ quan, đại diện Hội đồng khoa học, tổ chức dự kiến áp dụng kết quả nghiên cứu.

3. Phiên họp Hội đồng xét duyệt thuyết minh được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 Ủy viên phản biện (Ủy viên phản biện vắng mặt phải có nhận xét, đánh giá bằng văn bản).

4. Các thành viên Hội đồng xét duyệt Thuyết minh có trách nhiệm nhận xét, góp ý Dự thảo Thuyết minh bằng văn bản và thảo luận tại Hội nghị để thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết nhằm hoàn thiện Thuyết minh. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc. Thư ký Hội đồng xét duyệt thuyết minh có trách nhiệm nộp hồ sơ xét duyệt thuyết minh để lưu tại Thường trực Hội đồng khoa học.

Điều 15. Thẩm định kinh phí thực hiện

1. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) do Trưởng ban, Chủ tịch Hội đồng khoa học quyết định thành lập.

Tổ thẩm định gồm có 03 thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng là Lãnh đạo Ban Tôn giáo Chính phủ;

b) 01 thành viên là đại diện của bộ phận Tài chính Kế toán, Văn phòng Ban Tôn giáo Chính phủ;

c) 01 thành viên là Lãnh đạo Viện Nghiên cứu Chính sách tôn giáo (Thường trực Hội đồng khoa học).

Tổ trưởng Tổ thẩm định có thể mời thêm đại diện tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham dự.

2. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định: Phải có mặt đủ 3/3 thành viên.

3. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định;

b) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các nội dung nghiên cứu phù hợp với kết luận của hội đồng và các chế độ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước (nếu có);

c) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), xác định dự toán khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, dự toán khoán chi từng phần. Xác định phân kỳ kinh phí theo năm ngân sách. Kết quả thẩm định kinh phí được lập thành biên bản.

Điều 16. Phê duyệt và bổ nhiệm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày xét duyệt thuyết minh, tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh theo ý kiến của Hội đồng xét duyệt, gửi Thường trực Hội đồng khoa học để tổng hợp.

2. Căn cứ Thuyết minh đã chỉnh sửa, Thường trực Hội đồng khoa học trình Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ ký Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí; Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm (đối với dự án, đề án); Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, bổ nhiệm Chủ nhiệm và phê duyệt kinh phí (đối với đề tài).

Điều 17. Quy định về chức danh các thành viên Ban chủ nhiệm

1. Chức danh các thành viên Ban chủ nhiệm đối với các nhiệm vụ KH&CN các cấp tuân thủ theo quy định tại Điều 3 “Chức danh thực hiện nhiệm vụ”, Chương II, Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 8/5/2023 của BKHCN.

2. Đối với nhiệm vụ cấp Bộ quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 3, số lượng thành viên chính tham gia không quá 10 người.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Ban, số lượng thành viên chính tham gia không quá 07 người.

4. Số thành viên chính và thành viên tham gia được thể hiện trong thuyết minh nhiệm vụ, tùy thuộc vào nội dung, tính chất nhiệm vụ và kết luận của Hội đồng xét duyệt thuyết minh.

5. Thành viên chính và thành viên thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không được tham gia Hội đồng xét duyệt, hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học đó.

Điều 18. Mã số của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Mã số của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Ban được ghi như sau:

a) Mã số của đề tài: DT.XX/YY/TGCP;

b) Mã số của dự án: DA.XX/YY/TGCP.

Trong đó: XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của nhiệm vụ thực hiện trong năm; YY là nhóm 2 chữ số ghi 2 chữ số cuối của năm thực hiện.

2. Mã số của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Ban do Thường trực Hội đồng khoa học cấp (khi tham mưu ban hành Quyết định phê duyệt).

Chương IV

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 19. Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hàng năm, trước ngày 30 tháng 6, hoặc khi Trưởng ban yêu cầu, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng báo cáo tiến độ triển khai nhiệm vụ gửi về Thường trực Hội đồng khoa học. Nội dung báo cáo (theo *PLA-BCTHTKĐT/ĐA* và *PL5-BCTHTKDA*) gồm: tiến độ thực hiện, nội dung nghiên cứu, sản phẩm và tình hình sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ so với thuyết minh đã được phê duyệt, những vướng mắc khó khăn và kiến nghị (nếu có) trong quá trình thực hiện. Trường hợp đột xuất, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm có trách nhiệm báo cáo theo yêu cầu của Lãnh đạo Ban.

2. Thường trực Hội đồng khoa học có trách nhiệm tham mưu cho Trưởng ban, Hội đồng khoa học kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nội dung nghiên cứu, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí. Trong trường hợp cần thiết có thể kiến nghị Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Khoa học cơ quan cho phép điều chỉnh nội dung, tiến độ nghiên cứu cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3. Trong trường hợp tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành công việc đúng tiến độ mà không có lý do chính đáng, chưa báo cáo quyết toán số kinh phí đã nhận theo đúng chế độ hiện hành, Thường trực Hội đồng khoa học kiến nghị Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ, Hội đồng Khoa học cơ quan và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 20. Điều chỉnh thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng khoa học xem xét, quyết định điều chỉnh về: tên nhiệm vụ, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ban Tôn giáo Chính phủ.

2. Căn cứ để xem xét, điều chỉnh tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ dựa trên ý kiến kết luận của Hội đồng xét duyệt thuyết minh hoặc văn bản của tổ chức đề xuất đặt hàng nhiệm vụ.

3. Thay đổi chủ nhiệm

Thay đổi chủ nhiệm chỉ áp dụng với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ còn thời gian thực hiện từ đủ 06 tháng trở lên, được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Chủ nhiệm đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục;
- Chủ nhiệm bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu;

- Chủ nhiệm tử vong; mất tích trên 06 tháng;
- Chủ nhiệm vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính; không hoàn thành tiến độ nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng hoặc vi phạm pháp luật phải đình chỉ công tác.

Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thay thế phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

4. Điều chỉnh thuyết minh

Trước ngày 30/6 hàng năm, nếu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thể tiếp tục thực hiện theo đúng như thuyết minh ban đầu (thay đổi chủ nhiệm, điều chỉnh nội dung, kinh phí...), chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì phải có văn bản đề nghị kèm theo giải trình cụ thể về nội dung xin điều chỉnh.

5. Điều chỉnh thời gian thực hiện

Trong quá trình triển khai, nếu không thể hoàn thành nhiệm vụ đúng theo thời gian dự kiến ban đầu, chủ nhiệm nhiệm vụ phải có văn bản đề nghị được gia hạn trước thời gian hết hạn ít nhất 01 tháng.

Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần và không quá 06 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên, không quá 03 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện dưới 24 tháng.

6. Thường trực Hội đồng khoa học có trách nhiệm tham mưu, trình Trưởng ban quyết định việc điều chỉnh thuyết minh và thời gian thực hiện. Việc gia hạn kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 21. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá, nghiệm thu qua hai bước: đánh giá, thẩm định cấp cơ sở; đánh giá, nghiệm thu chính thức.
2. Nghiệm thu khối lượng công việc được thực hiện theo kế hoạch từng năm.
3. Việc đánh giá, nghiệm thu phải căn cứ vào thuyết minh, biên bản xét duyệt thuyết minh, quyết định phê duyệt và quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm (đối với đề án, dự án), quyết định phê duyệt, bổ nhiệm Chủ nhiệm (đối với đề tài).

Điều 22. Đánh giá, nghiệm thu khối lượng công việc

1. Đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trong 01 năm, chậm nhất vào ngày 30/11 hàng năm, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm phải hoàn thành nghiệm thu khối lượng công việc.
2. Đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trong nhiều năm:

- Chậm nhất vào ngày 10/12 năm chuyển tiếp nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm phải hoàn thành nghiệm thu khối lượng công việc trong năm;

- Chậm nhất vào ngày 30/11 năm kết thúc nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm phải hoàn thành nghiệm thu khối lượng công việc.

3. Hội đồng nghiệm thu khối lượng công việc gồm 05 thành viên, bao gồm Chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá khối lượng công việc, bao gồm số lượng các sản phẩm chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã thực hiện trong năm. Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc (PL 13 - BBNTKLCV) sau khi trình Lãnh đạo Ban ký duyệt được lưu tại hồ sơ nghiệm thu chính thức của Thường trực Hội đồng khoa học, hồ sơ thanh quyết toán tài chính và tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

Điều 23. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở bao gồm:

1. Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt; Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí; Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm (đối với dự án, đề án); Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, bổ nhiệm Chủ nhiệm và phê duyệt kinh phí (đối với đề tài).

2. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng khoa học, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn chỉnh 08 bộ hồ sơ để tổ chức nghiệm thu cơ sở.

Điều 24. Hội đồng nghiệm thu cơ sở

1. Hội đồng nghiệm thu cơ sở do Trưởng ban ký quyết định thành lập theo đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chính sách tôn giáo.

2. Hội đồng nghiệm thu cơ sở các nhiệm vụ cấp Bộ từ 07 đến 09 thành viên, nhiệm vụ cấp Ban từ 05 đến 07 thành viên. Thành viên hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở là các chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học có uy tín, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực khoa học và công nghệ liên quan đến nhiệm vụ, đại diện cơ quan dự kiến áp dụng kết quả nghiên cứu, đại diện của Thường trực Hội đồng khoa học.

3. Phiên họp Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện (ủy viên phản biện vắng mặt phải có nhận xét, đánh giá bằng văn bản).

4. Hội đồng nghiệm thu cơ sở tiến hành đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo tiêu chí sau:

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm chính theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết;

- Cách tiếp cận vấn đề, phương pháp nghiên cứu, điều tra, khảo sát, tính đại diện, độ tin cậy, cập nhật của các số liệu, tư liệu;

- Tính trung thực của kết quả nghiên cứu, điều tra, khảo sát;
- Giá trị khoa học (phát hiện những vấn đề mới, đóng góp vào việc phát triển quan điểm, lý luận hiện có đối với chương trình, đề tài);
- Ý nghĩa thực tiễn (đóng góp vào việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả vào hoạt động quản lý của Bộ, ngành,...)

5. Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở thảo luận để thống nhất đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo ba mức: “Đủ điều kiện nghiệm thu chính thức”; “Đủ điều kiện nghiệm thu chính thức, cần chỉnh sửa” và “Chưa đủ điều kiện nghiệm thu chính thức” (*PL 11 - PDGNTCS*).

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả đánh giá ở mức “Đủ điều kiện nghiệm thu chính thức” nếu đáp ứng được các nội dung đánh giá quy định tại Khoản 4, Điều này và được ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại “Đủ điều kiện nghiệm thu chính thức”;

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả đánh giá ở mức “Đủ điều kiện nghiệm thu chính thức, cần chỉnh sửa” nếu đáp ứng được các nội dung đánh giá quy định tại Khoản 4, Điều này và được ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại “Đủ điều kiện nghiệm thu chính thức, cần chỉnh sửa”;

- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả đánh giá ở mức “Chưa đủ điều kiện nghiệm thu chính thức” nếu không đáp ứng được các nội dung đánh giá quy định tại Khoản 4, Điều này.

6. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả đánh giá ở mức “Đủ điều kiện nghiệm thu chính thức” và “Đủ điều kiện nghiệm thu chính thức, cần chỉnh sửa” trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì hoàn thiện kết quả nghiên cứu và gửi về Thường trực Hội đồng khoa học cùng với Bảng tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình góp ý của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cơ sở (*Theo PL7 - BTHYK*).

7. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ có kết quả đánh giá ở mức “Chưa đủ điều kiện nghiệm thu”, hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở phải kiến nghị rõ nhiệm vụ đó được tiếp tục hoàn thiện hay đình chỉ thực hiện. Những nhiệm vụ được yêu cầu tiếp tục hoàn thiện, trong thời hạn tối đa 45 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, chủ nhiệm và tổ chức chủ trì phải chỉnh sửa hoàn thiện kết quả nghiên cứu và làm lại thủ tục để đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định. Đối với những nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện, Thường trực Hội đồng khoa học tham mưu lãnh đạo Ban thành lập Hội đồng thanh lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Kinh phí tổ chức các phiên họp của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở lần thứ nhất do chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chi trả từ nguồn kinh phí được cấp. Kinh phí

cho việc tổ chức nghiệm thu cơ sở lần thứ hai do chủ nhiệm và tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm.

Điều 25. Hồ sơ nghiệm thu chính thức

Sau phiên họp nghiệm thu cấp cơ sở, chậm nhất là sau 30 ngày, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn chỉnh 01 bộ hồ sơ nghiệm thu gửi về Thường trực Hội đồng khoa học để thẩm định trước khi gửi Hội đồng nghiệm thu, bao gồm:

1. Văn bản đề nghị nghiệm thu của tổ chức chủ trì, Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm gửi Thường trực Hội đồng khoa học.

2. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu (*PL10 - HDBCTH*), báo cáo tóm tắt, báo cáo kiến nghị (*PL8-BCKN*), các sản phẩm khoa học trung gian bao gồm: báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát; kỹ yếu hội thảo; báo cáo kết quả Đề tài nhánh (*nếu có*) theo thuyết minh.

3. Biên bản nghiệm thu cấp cơ sở.

4. Bảng tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình góp ý của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cơ sở (*Theo PL7 - BTHYK*).

5. Bài báo khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đăng trên các tạp chí chuyên ngành (*nếu có*).

Hồ sơ gửi Hội đồng nghiệm thu sau khi Thường trực Hội đồng khoa học thẩm định, bao gồm: Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu; Báo cáo tóm tắt; Báo cáo kiến nghị; Báo cáo phân tích kết quả điều tra, khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình góp ý của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cơ sở; bài báo (*nếu có*).

Điều 26. Hội đồng nghiệm thu chính thức

1. Hội đồng nghiệm thu chính thức do Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ ký quyết định thành lập theo đề nghị của Viện trưởng Viện nghiên cứu Chính sách tôn giáo.

2. Hội đồng nghiệm thu chính thức các nhiệm vụ cấp Bộ từ 07 - 09 thành viên; nhiệm vụ cấp Ban gồm 05 - 07 thành viên. Thành viên hội đồng nghiệm thu chính thức là các chuyên gia, nhà quản lý, nhà khoa học có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, am hiểu về lĩnh vực khoa học và công nghệ liên quan đến nhiệm vụ, đại diện cơ quan dự kiến áp dụng kết quả nghiên cứu, đại diện của Thường trực Hội đồng khoa học.

3. Hội đồng nghiệm thu làm việc theo nguyên tắc dân chủ, công khai. Các thành viên Hội đồng có ý kiến nhận xét bằng văn bản, bỏ phiếu đánh giá, xếp loại và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của mình.

Điều 27. Hội nghị đánh giá, nghiệm thu chính thức

1. Hội nghị đánh giá, nghiệm thu chính thức tổ chức chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 năm kết thúc nhiệm vụ và được tiến hành khi:

a) Hồ sơ nghiệm thu đầy đủ và hợp lệ.

b) Có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng nghiệm thu có mặt, trong đó có chủ tịch, thư ký và ít nhất 01 thành viên phản biện (ủy viên phản biện vắng mặt phải có ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản).

2. Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ dựa trên các tiêu chuẩn và thang điểm 100 (theo PL12- PDGNTCT) như sau:

a) Về phương pháp nghiên cứu, tối đa 10 điểm cho các nội dung: cách tiếp cận, việc sử dụng các phương pháp khoa học trong nghiên cứu, điều tra, khảo sát;

b) Về giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu, tối đa 30 điểm cho các nội dung: mức độ đạt mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và các yêu cầu về sản phẩm đã cam kết trong hợp đồng được thể hiện qua báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt và bản kiến nghị; độ tin cậy, tính cập nhật, phong phú của hệ thống tài liệu đã sử dụng và các số liệu đã điều tra, thu thập; những điểm mới đã đạt được trong kết quả nghiên cứu;

c) Về giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu, tối đa 45 điểm cho các nội dung: khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, phục vụ công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chính sách, đóng góp vào việc phát triển khoa học;

d) Về tổ chức thực hiện, tối đa 10 điểm cho các nội dung: tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành so với hợp đồng đã ký và huy động, sử dụng lực lượng nghiên cứu;

đ) Có bài báo đăng trên Tạp chí chuyên ngành (được tính 01 bài với số điểm tối đa là 5 điểm).

3. Đánh giá, xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là điểm trung bình tính trong tổng số các phiếu hợp lệ;

b) Căn cứ vào điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, việc xếp loại thực hiện như sau:

- Nhiệm vụ xếp loại “Xuất sắc” khi điểm trung bình từ 90 điểm trở lên;

- Nhiệm vụ xếp loại “Khá” khi điểm trung bình từ 75 đến dưới 90 điểm;

- Nhiệm vụ xếp loại “Trung bình” khi điểm trung bình từ 60 đến dưới 75 điểm;

- Nhiệm vụ xếp loại “Không đạt” khi điểm trung bình dưới 60 điểm.

c) Đối với các nhiệm vụ xếp loại từ mức “Trung bình” trở lên, trong thời hạn tối đa là 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, chủ nhiệm tiến hành sửa chữa, hoàn thiện kết quả nghiên cứu theo góp ý của Hội đồng nghiệm thu và nộp lại cho Thường trực Hội đồng khoa học. Trên cơ sở đó, Thường trực Hội đồng khoa học xem xét, tổng hợp hồ sơ trình Trưởng ban quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Đối với các nhiệm vụ xếp loại “Không đạt”, chủ nhiệm có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện các kết quả nghiên cứu theo ý kiến đóng góp của Hội đồng nghiệm thu trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày họp nghiệm thu lần thứ nhất. Thủ tục nghiệm thu lần thứ hai được tiến hành như lần thứ nhất. Quá thời hạn 45 ngày nói trên, nếu chủ nhiệm không hoàn thiện kết quả nghiên cứu để tiến hành nghiệm thu lần thứ hai, hoặc kết quả nghiệm thu lần thứ hai không đạt, Thường trực Hội đồng khoa học đề nghị Trường ban có hình thức xử lý trách nhiệm và tiến hành thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành của pháp luật;

đ) Kinh phí tổ chức phiên họp của Hội đồng nghiệm thu chính thức lần thứ nhất do chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chi trả từ nguồn kinh phí được cấp. Toàn bộ kinh phí cho việc tổ chức nghiệm thu chính thức lần thứ hai do chủ nhiệm và tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm.

Điều 28. Phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng nghiệm thu xếp loại từ mức “Trung bình” trở lên, trong thời hạn tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nghiệm thu, chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tổ chức chủ trì có trách nhiệm sửa chữa, hoàn thiện kết quả nghiên cứu theo góp ý của Hội đồng nghiệm thu và nộp toàn bộ hồ sơ về Thường trực Hội đồng khoa học.

Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Biên bản họp Hội đồng nghiệm thu chính thức;

b) Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu chính thức;

c) Đơn đề nghị công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Giấy xác nhận chuyên gia kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo thuyết minh (PL9 - XNCGKQNC);

đ) Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm khoa học trung gian (như khoản 2, Điều 25) đã được Thường trực Hội đồng khoa học thẩm định theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu chính thức.

2. Trong thời hạn tối đa 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ tài liệu trên, Thường trực Hội đồng khoa học trình Trường ban ký quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Đối với những nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ điều kiện nghiệm thu hoặc nghiệm thu đến lần thứ hai vẫn không đạt thì chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm làm thủ tục thanh lý và hoàn trả số kinh phí từ ngân sách đã được cấp theo quy định.

Điều 29. Công bố kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sau khi các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu và công nhận kết quả nghiên cứu, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì có trách nhiệm xây dựng Báo cáo chốt lọc kết quả

nghiên cứu (*từ 2 - 3 trang*) để đăng tải lên trang Thông tin điện tử Ban Tôn giáo Chính phủ. Trung tâm Thông tin và Truyền thông phối hợp với tổ chức chủ trì công bố kết quả nghiên cứu, phục vụ việc khai thác, tham khảo và ứng dụng. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước được lưu giữ theo chế độ mật, chỉ đăng tải các thông tin cơ bản hoặc phải giải mật các nội dung của nhiệm vụ trước khi đăng tải.

2. Thường trực Hội đồng khoa học có trách nhiệm báo cáo Trưởng ban, cơ quan quản lý có thẩm quyền kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của Ban Tôn giáo Chính phủ.

Điều 30. Lưu trữ, chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 30 ngày sau khi hoàn thiện việc đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ được xếp loại “Trung bình” trở lên, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm sửa chữa, hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu và nộp lưu ở các địa chỉ sau:

a) Nộp lưu 02 bộ sản phẩm (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp do Ban Tôn giáo Chính phủ trực tiếp quản lý); 01 bộ (nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ do Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ quản lý) tại Viện Nghiên cứu Chính sách tôn giáo;

b) Nộp lưu trữ 01 bộ sản phẩm tại Văn phòng Ban;

c) Chuyển giao 01 bộ sản phẩm cho mỗi tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu (theo thuyết minh).

Mỗi bộ sản phẩm bao gồm: Báo cáo tổng hợp (bìa cứng, theo Biểu 1.1; 2.1); Báo cáo tóm tắt khổ A5 đối với đề tài, khổ A4 đối với Dự án, Đề án (bìa màu, theo Biểu 1.2; 2.2); các sản phẩm khoa học trung gian (*nhu khoản 2, Điều 25*); Báo cáo chất lọc kết quả nghiên cứu (*khoản 1, Điều 27*); Báo cáo đề xuất, kiến nghị; bản điện tử các kết quả và sản phẩm nghiên cứu.

2. Hồ sơ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lưu trữ tại Thường trực Hội đồng khoa học, bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt; Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các Quyết định cho phép điều chỉnh nội dung, thành viên, thời gian thực hiện nhiệm vụ (nếu có);

b) Thuyết minh đã được phê duyệt và bản điều chỉnh thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt (nếu có);

c) Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu;

d) Văn bản đánh giá của 2 ủy viên phản biện;

đ) Phiếu đánh giá, xếp loại của các thành viên hội đồng có mặt;

e) Biên bản nghiệm thu, đánh giá;

g) Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ;

- h) Báo cáo tổng hợp; báo cáo tóm tắt; báo cáo chất lọc; báo cáo đề xuất, kiến nghị; các sản phẩm khoa học trung gian (*như khoản 2, Điều 25*);
- i) Bản điện tử (file mềm) lưu trữ kết quả và sản phẩm nghiên cứu;
- k) Giấy xác nhận chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (*PL9 - XNCGKQNC*).

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý khoa học thuộc Ban

1. Thường trực Hội đồng khoa học là đầu mối có trách nhiệm giúp Trưởng ban Ban Tôn giáo Chính phủ quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Ban Tôn giáo Chính phủ:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ dài hạn, trung hạn và hàng năm của Ban, thông qua Hội đồng khoa học trình Trưởng ban xem xét ban hành;

b) Xây dựng các Báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ;

c) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng xây dựng Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và Kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm của Ban trình Trưởng ban xem xét, quyết định;

d) Tổ chức các hội nghị: xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ mới, xét duyệt thuyết minh các nhiệm vụ được chọn, nghiệm thu khối lượng công việc, nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ;

đ) Phối hợp với Văn phòng trong việc đề xuất Trưởng ban phân bổ kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ do Ban Tôn giáo Chính phủ quản lý; thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

e) Tổ chức kiểm tra, giám sát: tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức đánh giá nghiệm thu; tình hình nộp lưu các sản phẩm khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân liên quan;

g) Phối hợp kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ;

h) Trong trường hợp cần thiết, kiến nghị với Trưởng ban:

- Điều chỉnh nội dung, thời gian, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ;
- Chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước thời hạn và hình thức xử lý vi phạm;

i) Tham mưu Lãnh đạo Ban ký ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp do Ban Tôn giáo Chính phủ trực tiếp quản lý.

2. Văn phòng có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng khoa học trong việc đề xuất Trưởng ban phân bổ, thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Ban quản lý;

b) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chế độ chi tiêu và thanh quyết toán hàng năm.

Điều 32. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức và cá nhân

1. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Các tổ chức, cá nhân thuộc Ban có trách nhiệm đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề xuất phải phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của ngành quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, phục vụ yêu cầu lãnh đạo và thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước của Ban Tôn giáo Chính phủ, phù hợp với điều kiện phân bổ ngân sách cho hoạt động khoa học và công nghệ của Bộ Nội vụ.

2. Tổ chức chủ trì

a) Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo đúng nội dung, tiến độ trong thuyết minh, hợp đồng;

b) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo định kỳ và đột xuất;

c) Khi cần thiết, đề nghị Thường trực Hội đồng khoa học báo cáo Hội đồng khoa học và Trưởng ban cho phép điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian hoặc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ.

3. Cá nhân chủ nhiệm

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học theo thuyết minh; sử dụng kinh phí và quyết toán tài chính nghiên cứu khoa học theo đúng quy định;

b) Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ định kỳ và đột xuất;

c) Đề xuất thay đổi nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ được thực hiện những thay đổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý;

đ) Tham mưu việc ký kết hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài đơn vị để triển khai nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 33. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ có nhiều thành tích đóng góp trong hoạt động khoa học và công nghệ được đề nghị xét khen thưởng

theo quy định. Thường trực Hội đồng khoa học có trách nhiệm phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ và Quan hệ quốc tế tổ chức việc xét thưởng, đề nghị Trường ban khen thưởng, trao giải thưởng khoa học và công nghệ của Ban cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ và thành viên tham gia không trung thực trong nghiên cứu khoa học, tùy tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu sẽ không được làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (*Theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Quy chế này*).

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu nhưng không hoàn thiện sản phẩm theo ý kiến kết luận của Hội đồng nghiệm thu và không nộp lưu các sản phẩm nghiên cứu thì sẽ không được đăng ký làm Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ban trong thời hạn 02 năm.

5. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước vi phạm nghiêm trọng hợp đồng khoa học hoặc không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị chấm dứt hợp đồng, tiến hành thanh quyết toán và phải hoàn trả lại kinh phí đã nhận hoặc tùy tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là một tiêu chuẩn để bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Chế độ báo cáo

Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện định kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm, 06 tháng cuối năm và các báo cáo đột xuất khác về hoạt động khoa học và công nghệ đang thực hiện. Báo cáo định kỳ gửi Thường trực Hội đồng khoa học trước ngày 25/6 và ngày 25/12 hàng năm.

Điều 35. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, các đơn vị gửi văn bản về Thường trực Hội đồng khoa học để trình Trường ban Ban Tôn giáo Chính phủ xem xét quyết định./.

